Ngôn ngữ Phật dùng để giảng dạy (Buddhavacana)

Viết bởi Administrator

Theo bộ “Vinayapitaka Cullavagga” (“Tiểu Phẩm”, V, 33) của Luật Tạng [4], Đức Phật đã cố huấn thị các Tỳ kheo học tập Giáo Pháp bằng
“ngôn ngữ của mình”(
saka nirutti
)
, mà luận sư Pali lỗi lạc là Ngài
Buddhaghosa
(Phật Âm) đã diễn dịch: đó có nghĩa là ngôn ngữ (hay phương ngữ) của
Magadhi
(Ma-Kiệt-Đà) được dùng bởi Đức Phật và Đức Phật đã
không
cho phép họ dịch chuyển những giáo lý thành những văn kệ bằng tiếng Phạn.

Có hai người anh em, cả hai đều là Tỳ kheo tên là Yamelu và Tekula, khi diện kiến với Đức Phật đã than phiền với Đức Phật là có những Tỳ kheo thuộc những thứ bậc và họ tộc khác nhau đã làm mai một những lời dạy của Đức Phật bằng cách đi thuyết giảng bằng ngôn ngữ địa phương của họ. Họ còn muốn chuyển những lời dạy của Phật thành những văn kệ bằng tiếng Phạn (chandaso), nhưng Đức Phật đã ra chỉ thị cấm việc làm này. Trải qua 2.400 năm sau đó, chữ
‘

saka nirutti
’

đã biểu thị cho ngôn ngữ của Magadhi (Ma-Kiệt-Đà).

Trong nửa sau thế kỷ 19, những học giả phương Tây bắt đầu quan tâm đến Phật Giáo, và khi những học giả Pali uyên bác như Rhys Davids và Oldenberg bắt đầu dịch văn bản Tạng Luật (Vin aya
)
[5]
ra tiếng Anh, họ đã dịch lời chỉ thị của Đức Phật là:

1 / 5

Ngôn ngữ Phật dùng để giảng dạy (Buddhavacana)

Viết bởi Administrator

‘Ta cho phép các thầy, này các Tỳ kheo, học những lời Phật dạy bằng ngôn ngữ địa phương của mỗi người”(“I allow you, O Bhikkhus, to learn the words of the Buddha each in his own dialect’) ─ Nghĩa là: ngôn ngữ riêng, tiếng địa phương hay phương ngữ riêng của mỗi người.

Hầu hết các học giả đã có xu hướng đồng tình với cách diễn dịch này, ngoài trừ học giả Geiger thì lại theo quan điểm của Ngài Buddhaghosa (Phật Âm), cho rằng câu chỉ thị của Phật có nghĩa là mọi người phải học giáo pháp bằng phương ngữ mà Đức Phật đang dùng lúc bấy giờ.

Tiến sĩ Rhys Davids, sau khi suy nghiệm lại, cũng tỏ ra bị thuyết phục bởi quan điểm diễn dịch của Ngài Buddhaghosa. Sau này, trong những tác phẩm của mình, ông đã chấp nhận chữ ‘sak a nirutti
’

có nghĩa là ngôn ngữ riêng của Đức Phật, nhưng với một giải thích rất khéo léo. Trong Lời Tựa của quyển Từ Điển Pali-Anh do tiến sĩ T.W. Rhys Davids và William Stede biên soạn và lần đầu xuất bản ở London năm 1921-1925, ông ta cho rằng tiếng Pali trong Tam Tạng Kinh Điển là dựa vào tiếng bản xứ của người
Kosala
, tức là tiếng mẹ đẻ của Đức Phật.

Gần đây, học giả Law [6], trong quyển sách của ông có tựa đề là “Lịch Sử Văn Học Pali” đã có ý kiến cho rằng Ngài Buddhaghosa đã thiếu chính xác, không phân biệt khi cho rằng chữ ‘ chandasa
’ là đồng nghĩa với tiếng Phạn và ‘
saka nirutti
’ thì có nghĩa là tiếng địa phương Magadhi (Ma-Kiệt-Đà) đã được Đức Phật dùng làm phương tiện giảng dạy (
vacanamagga
). Theo ông Law, ngôn ngữ tiếng Phạn đã được phân chia thành hai dòng, là tiếng Phạn của Vệ-Đạ và tiếng Phạn đang dùng hôm nay, và Đức Phật chỉ không cho phép học hoặc đưa những giáo lý của Người vào tiếng Phạn Vệ-Đà vào thời đó (của tầng lớp Bà-la-môn), chứ không phản đối tiếng Phạn thông dụng khác. Law đã viết rằng:

“Điều đó vượt qua sự hiểu biết của chúng ta về cách mà Ngài Buddhaghosa đã đi quá xa và cho rằng với chữ “ saka nirutti”, Đức Phật muốn nói rằng đó là phương tiện giảng dạy duy nhất của Người, và đó chính là tiếng bản xứ của Magadhi (Ma-Kiệt-Đà). Thật vô lý, sai lầm và quá quyết

2 / 5

Ngôn ngữ Phật dùng để giảng dạy (Buddhavacana)

Viết bởi Administrator

đoán khi cho rằng Đức Phật ban hành quy định tiếng Magadhi (Ma-Kiệt-Đà) là hình thức phát ngôn đúng đắn duy nhất khi học tập giáo lý của Đức Phật và rằng những tiếng địa phương khác là những hình thức phát ngôn không chính xác”.

(a) Phương Tiện Giảng Dạy Cho Các Tỳ Kheo

Mặc dù ý kiến mang tính cảm tính mạnh mẽ của mình, luận cứ của học giả Law cũng không có vẻ luận giải được những điều kiện hiện hành của hệ thống học thuật thời cổ xưa đó. Trở lại thời ấy, phong tục những người đệ tử thường mong muốn theo học một người thầy nào đó, đến ở cùng chỗ người thầy và học đạo từ người thầy đó theo phương pháp nói-nghe bằng tiếng bản xứ của người thầy đó. Cách diễn dịch của Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) chắc chắn là phù hợp với tinh thần người Ấn Độ rằng không thể có dạng ngôn ngữ nào để diễn tả những lời dạy của Phật bằng chính những lời và ngôn ngữ do chính Đức Phật thuyết giảng. Truyền thống dạy học theo phương pháp nói nghe, truyền miệng là quan trọng và nhấn mạnh để cho học trò có khả năng học, đọc tụng lại và ghi nhớ những giáo lý bằng ngôn ngữ chung -
tiếng phổ thông -
vì khi dùng ngôn ngữ chung, tất cả sai sót khi nhắc lại hay tụng đọc sẽ được thấy rõ và mọi người đều nghe bằng một thứ tiếng chung và cùng bổ sung, sửa sai.

Điều này đã thực sự xảy ra và được thực hiện tại những kỳ hay Hội Đồng Kết Tập Kinh Điển sau Bát-Niết-bàn của Đức Phật, nhằm bảo đảm những lời dạy của Đức Phật được bảo tồn và lưu truyền một cách chính xác. Hãy tưởng tượng những kỳ Kết Tập Kinh Điển sẽ hỗn loạn đến mức nào nếu những giáo pháp, thuyết giảng của Đức Phật được đọc tụng, kết tập tại Hội Đồng Kết Tập bằng nhiều thứ tiếng hay phương ngữ khác nhau!. Ai sẽ nghe ai và ai sẽ hiểu ai?. Từ những yếu tố mang tính logic, hữu lý này, chúng ta có thể chắc chắn rằng Đức Phật đã chỉ thị tất cả những Tỳ kheo phải học giáo pháp bằng ngô n ngữ chung thời đó
, đó là tiếng
Magadhi
(Ma-Kiệt-Đà) vào thời Đức Phật, mặc dù tiếng bản xứ của Đức Phật là tiếng địa phương Kosala
(Câu-xá-lợi), vì vương quốc Thích Ca Sakya là một xứ chư hầu của Kosala, nhưng Người đã không dùng nó.

Theo Ngài Đại Đức Anagarika Dharmapala [7], Đức Thế Tôn muốn dùng ngôn ngữ đó, tức tiếng Magadhi (Ma-Kiệt-Đà), để chuyển tải những thông điệp và lời dạy của Phật phải là ngôn ngữ của đại đa số mọi người, chứ không dùng tiếng Phạn, tiếng Phạn

3 / 5

Ngôn ngữ Phật dùng để giảng dạy (Buddhavacana)

Viết bởi Administrator

vốn đã và vẫn là ngôn ngữ
dành riêng
cho giai cấp Bà-la-môn. Ngay cả khi đến thời hiện đại trước khi Ấn Độ được độc lập năm 1947, những đạo sư hay những ông thầy Hindu (Ấn Độ giáo) thuộc tầng lớp cao sang cũng
không muốn
dạy tiếng Phạn cho con em của những nhà theo đạo Hindu thuộc tầng lớp thấp hèn, hạ tiện ở trong các trường học.

▪ Lưu ý: Điều này cũng đã xảy ra trong cuộc đời của Tiến sĩ B.R. Ambedkar (?-1891-7/12/1956), đại diện lỗi lạc trong lịch sử Ấn Độ cho tầng lớp “bần cùng” của Ấn Độ, người chuyển qua đạo Phật sau này, cũng đã từng bị các thầy giáo dạy tiếng Phạn từ chối dạy tiếng Phạn cho ông, vì ông là người Hindu thuộc giai cấp hạ tiện khi còn đi học.

Vì biết rằng đại đa số dân chúng vào thời mình không thể hiểu được tiếng Phạn, nên Đức Phật đã quyết định dùng tiếng Magadhi (Ma-Kiệt-Đà) làm phương tiện để giảng dạy giáo pháp, mới mang lại giáo pháp và lợi lạc cho số đông quần chúng. Vì vậy, vì lý do rất quan trọng này mà Đức Phật thậm chí có chỉ thị và giới cấm các Tỳ kheo không được chuyển dịch hay truyền dạy những lời của Phật sang tiếng Phạn, nếu vi phạm sẽ coi là phạm tội
tác ác (
dukkata
)
!.

(b) Saka Nirutti − “Ngôn Ngữ Riêng Của Chúng Ta”

Về sau này, học giả người Ấn Độ TS. Mauli Chand Prasad [8] đã tham luận với nhiều luận cứ đánh giá lại có ý nghĩa hơn về vấn đề bất đồng trong việc xác định ngôn ngữ được dùng bởi Đức Phật để giảng dạy giáo pháp. Theo học giả này, tiếng
Magadhi
(Ma-Kiệt-Đà) chính là phương ngữ hay là tiếng bản xứ thông dụng nhất được dùng để giao tiếp vào thời Đức Phật, giống tương tự như trường hợp tiếng Hindi được chọn dùng làm tiếng phổ thông của Ấn Độ ngày nay, được đọc là:
‘

nij bhasa
’

(nghĩa gốc là: Ngôn ngữ riêng, ngôn ngữ của riêng mình). Ông ta đã dịch chữ

‘

saka nirutti

4 / 5

Ngôn ngữ Phật dùng để giảng dạy (Buddhavacana)

Viết bởi Administrator

’

là:
‘ngôn ngữ
(riêng)
của chúng ta
’

, và chỉ thị của Đức Phật là:

“Ta cho phép, này các Tỳ kheo, những lời dạy của Phật được học bằng ngôn ngữ (riêng) của chúng ta ”,(*) có nghĩa là tiếng Magadhi.

Sự diễn dịch này thì giống với diễn dịch và quan điểm của Ngài Buddhaghosa và cùng lúc chứng minh cho quan điểm ngày xưa của Đức Phật trong việc không đồng ý với đề nghị của Tỳ kheo Yamelu và Tỳ kheo Tekula đưa những lời Phật dạy thành những câu kệ bằng tiếng Phạn. Vì vậy, có thể cho thấy rằng chữ ‘saka nirutti’ và ‘nij bhasa’ cũng mang một ý nghĩa. Mặc dù trải qua quá nhiều thế hệ và thời gian thật cách xa giữa hai thời đại, cả hai chữ đều mang một nghĩa là ‘tiếng địa phương’ hay ‘tiếng bản xứ’ được dùng như một ngôn ngữ phổ thông nhất để giao tiếp vào mọi thời đại của mỗi chữ.

(*) Ở đây, trong tiếng Việt chữ ‘Riêng’ là riêng của nhóm người, của ‘chúng ta’ chứ không phải riêng của Đức Phật hay của riêng ai. Tiếng Việt cũng có thể gọi là ‘ngôn ngữ chung của chúng ta’, mặc dù chữ ‘riêng’ và ‘chung’ mang hai nghĩa gốc khác nhau. (ND).

5 / 5